

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 6 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Hữu Chí
- Ông Nguyễn Văn Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú* tham gia phiên tòa:  
ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 288/1 ấp AD, xã AD, huyện TP, tỉnh BT

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 53/6 ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh BT. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1986 và ông Huỳnh Thanh K, sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ: 12/1 ấp AH, xã AN, huyện TP, tỉnh BT.

(Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt không có lí do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời trình bày:**

Ngày 22/9/2023 ông Nguyễn Chí L có cho bà Đặng Thị N mượn số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, lãi xuất tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ hai bên tự thỏa thuận, do tin tưởng nên ông L không yêu cầu bà N viết giấy nợ. Tiếp tục đến ngày 29/9/2023 ông L cho bà N mượn số tiền 80.000.000 đồng để bà N đáo hạn Ngân hàng và hứa trong vòng 01 tuần sẽ trả lại tiền cho ông L, lần này bà N có viết giấy mượn tiền. Tuy nhiên, sau các lần mượn tiền bà N không đóng lãi hay trả lại tiền gốc đã mượn cho ông L theo cam kết nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.

Khi khởi kiện ông Nguyễn Chí L yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Đặng Thị N và ông Huỳnh Thanh K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi là 2.456.400 đồng, tổng cộng 22.456.400 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 13/12/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 0.83%/tháng.

Sau đó ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân bà Đặng Thị N trả số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đồng thời ông L không yêu cầu ông Huỳnh Thanh K có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nhiễm trả tiền cho ông L.

***\*Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Huỳnh Thanh K có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời trình bày:***

Ông là chồng của bà Đặng Thị N, khi sống chung bà N có vay tiền của nhiều người. Khi bà N vay tiền của ông L ông không biết, bà N cũng không nói cho ông biết. Sau đó ông có nghe ông L nói bà N có vay của ông L số tiền 80.000.000 đồng. Còn việc bà N có vay tiền của ông L hay không nên ông không biết rõ. Do ông không có vay tiền của ông L nên không đồng ý liên đới cùng bà N trả nợ cho ông L. Nếu bà Nhiễm có vay thì tự bà Nh chịu trách nhiệm. Không liên quan đến ông.

Bị đơn bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày .

**\* Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 và 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông L 80.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu bà N trả số tiền 40.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị N và ông Huỳnh Thanh K trả tiền vay nên xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đặng Thị N và ông Huỳnh Thanh K có nơi cư trú tại xã AN, huyện TP, tỉnh BT nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Huỳnh Thanh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 40.000.000 đồng chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi và không yêu cầu ông Huỳnh Thanh K có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đặng Thị N trả tiền cho nguyên đơn. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện ủy quyền nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Chí Lyêu cầu bà Đặng Thị N và ông Huỳnh Thanh K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi là 2.456.400 đồng, tổng cộng 22.456.400 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 13/12/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 0.83%/tháng. Sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân bà Đặng Thị N trả số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đồng thời không yêu cầu ông Huỳnh Thanh K có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả tiền nợ cho ông L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn ông Nguyễn Chí L với bị đơn ông Đặng Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực

hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Khi khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Chí L cung cấp 01 giấy mượn tiền ngày 29/9/2023 thể hiện bà Đặng Thị N mượn ông Nguyễn Chí L số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Đặng Thị N các văn bản tố tụng để triệu tập bà N tham dự hòa giải và phiên tòa; Tổng đạt cho bà N giấy viết tay có nội dung trên. Đồng thời Tòa án có tổng đạt hợp lệ cho bà N thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu bà N có văn bản nêu ý kiến của bà trước yêu cầu khởi kiện và biên nhận trên do ông L cung cấp khi khởi kiện, nhưng bà N không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L và ý kiến của bà N đối với giấy nợ do ông L cung cấp. Bị đơn bà Đặng Thị N không đưa ra chứng cứ để chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy biên nhận nợ mà ông L cung cấp có nội dung thể hiện bà N có mượn ông L số tiền 80.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông L, bà N không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông L và biên nhận nợ mà ông L cung cấp. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đối với bà N là đúng quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L đối với bị đơn bà Đặng Thị N. Buộc bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí L số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Ông Nguyễn Chí L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.062.000 đồng theo biên lai thu số 0003530 ngày 03/01/2024.

Bà Đặng Thị N có nghĩa vụ nộp 4.000.000 đồng.

**3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.**

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Thúy**